

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000990

Trang : 1/2

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **13/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-29**

C. Tỉnh (4/4)

Số SV có mặt: 31
Số bài thi: 31
Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1 <i>Thị Thanh Hải</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Thị Hồng Tiên</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Lưu T.T.M</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn T. Ngọc Linh</i>
--	--	---------------------------------------	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122200118	NGUYỄN QUỐC BẢO	29/10/2004	CCQ2220D				0.0			0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121200187	TRẦN ĐĂNG BIÊN	23/04/2003	CCQ2120F		1	<i>Biên</i>	7.0	7.5	7.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121270091	VÕ TRỌNG DUY	01/10/2003	CCQ2127C		1	<i>Duy</i>	5.7	3.0	4.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121200055	NGUYỄN CHÍ ĐIỀN	18/05/2003	CCQ2120B				0.0			0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120120613	TRẦN VĂN ĐỨC	09/12/2002	CCQ2012R		1	<i>Đức</i>	7.1	5.0	5.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121200069	NGUYỄN THÚY HẰNG	17/03/2003	CCQ2120B		1	<i>Hằng</i>	7.1	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121270106	HUỖNH NGỌC HÂN	02/12/2003	CCQ2127D		1	<i>Hân</i>	7.2	5.0	5.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121200066	NGUYỄN THỊ HIỀN	25/02/2003	CCQ2120B		1	<i>Hiền</i>	8.1	7.0	7.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122200230	PHAN NHƯ HỘI	11/12/2004	CCQ2220G		1	<i>Hội</i>	6.9	5.0	5.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122200226	NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG	18/10/2004	CCQ2220G		1	<i>Hồng</i>	7.0	6.0	5.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121170505	LƯU TRỌNG HUÊ	14/10/2003	CCQ2120F		1	<i>Huê</i>	7.3	6.0	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121200194	TRẦN THỊ THƯƠNG MẾN	30/07/2003	CCQ2120F		1	<i>Mến</i>	7.9	6.5	7.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121270084	LÊ ĐOÀN KIM MY	23/03/2003	CCQ2127C		1	<i>My</i>	7.2	8.5	8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119260058	DƯƠNG HOÀNG TUYẾT NGÂN	18/07/2001	CCQ1926B		1	<i>Ngân</i>	6.8	6.0	6.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121200164	NGUYỄN NGỌC BẢO NGÂN	23/01/2003	CCQ2120E		1	<i>Ngân</i>	7.3	7.0	7.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120260086	ĐINH ĐĂNG KHÁNH NGỌC	05/01/2002	CCQ2026C		1	<i>Khánh</i>	7.6	4.5	5.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121270080	LÊ THỊ Ý NGUYỄN	09/02/2003	CCQ2127C		1	<i>Ý</i>	6.9	6.5	6.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121200155	NGUYỄN THANH THU NGUYỆT	11/04/2003	CCQ2120E		1	<i>Thu</i>	7.9	5.5	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122200240	LÊ THỊ MỸ NHÂN	20/11/2004	CCQ2220G		1	<i>Nhân</i>	7.5	6.5	6.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122240044	TRẦN THỊ HOÀI NHI	09/02/2004	CCQ2220A		1	<i>Nhi</i>	7.1	2.5	4.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/202

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 03**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **002**
Ngày thi: **13/04/2023** Giờ: **14:45**
Phòng thi: **D5-29**

Mã nhận dạng: 000990

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 31
Số bài thi: 31
Số tờ giấy thi: 32

Nguyễn T. Ngọc Linh

Nguyễn T. Ngọc Linh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200195	VŨ THỊ PHƯƠNG	18/02/2004	CCQ2220G		1	Phương	7.4	5.5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121270123	LÊ PHÚ QUÝ	03/05/2003	CCQ2112R		1	Quý	5.0	6.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121270096	LÊ XUÂN THẠCH	08/09/2000	CCQ2127C		1	Xuân	6.3	4.5	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121200156	PHAN THỊ THANH THẢO	18/09/2003	CCQ2120E		1	Thảo	7.7	6.0	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122200231	NGUYỄN VĂN THÂN	19/04/2004	CCQ2220G		1	Thân	6.8	6.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122200236	VŨ THỊ YẾN	06/01/2004	CCQ2220G		1	Yến	7.6	7.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121200172	KIỀU NGUYỄN ANH	12/11/2003	CCQ2120E		2	Kiều	7.9	8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121270093	PHẠM HỮU TIẾN	23/01/2003	CCQ2127C		1	Tiến	7.1	8.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120120483	HUYỀN NGUYỄN NGUYỄN TÍNH	20/04/2002	CCQ2012N		1	Tính	6.8	7.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121200056	ĐÀO THỊ THÙY TRANG	29/11/2003	CCQ2120B		1	Trang	6.8	5.0	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121200041	ĐINH HỒNG TRINH	12/12/2003	CCQ2120B		1	Trinh	7.1	2.5	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120260272	ĐỖ NHÃ TRÚC	29/10/2002	CCQ2026H				0.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122200227	ĐOÀN THỊ MỸ VIÊN	14/06/2004	CCQ2220G		1	Mỹ	7.0	6.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122200228	NGUYỄN ÁI VY	14/06/2004	CCQ2220G		1	Ái	7.5	7.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120270034	NGUYỄN TRIỆU VỸ	20/10/2002	CCQ2027A				0.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000988

Trang : 1/2

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 01**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **002**
Ngày thi: **13/04/2023** Giờ: **14:45**
Phòng thi: **D5-27**

C. Tỉnh 214

Số SV có mặt: **31**....
Số bài thi: **31**....
Số tờ giấy thi: **31**....

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan Thị Ngọc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Ngọc An Phú</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Thị Ngọc Linh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Ngọc Linh</i>
--	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122210113	NGUYỄN NGỌC ANH	29/01/2004	CCQ2220D		1	Anh	8.1	3	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122120078	PHẠM KIỀU	10/03/2004	CCQ2220C		1	Kieu	8.1	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121120149	NGÔ KIM HUỆ	12/12/2003	CCQ2112E				5.6			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122200129	NGÔ HOÀNG GIA	30/10/2004	CCQ2220D		1	Gia	6.0	6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122200125	VÕ VĂN KHANG	26/02/2001	CCQ2220D		1	Khang	7.0	2.5	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122200128	HUỖNH THỊ XA	22/06/2004	CCQ2220D		1	Xa	7.4	6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122200238	NGUYỄN THỊ MỸ	08/02/2004	CCQ2220D		1	My	7.2	3	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120200307	LÊ THỊ MAI	20/04/2002	CCQ2020I		1	Mai	5.0	5.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122200200	LÊ THỊ KIỀU	25/02/2004	CCQ2220C		1	Kieu	7.2	4	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122200199	LÊ KIỀU THUỖ	21/01/2003	CCQ2220C		1	Thuy	5.0	5.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122200115	NGÔ THỊ KIM	01/02/2004	CCQ2220D		1	Kim	7.2	6	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122200229	PHAN THỊ PHƯƠNG	15/12/2004	CCQ2220G				0.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122200119	NGUYỄN THỊ CẨM	26/11/2003	CCQ2220D		1	Cam	8.1	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122200120	VÕ THỊ QUYÊN	03/08/2004	CCQ2220D		1	Quyên	6.0	6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122200124	PHAN THỊ NHƯ	01/05/2004	CCQ2220D		1	Nhu	7.2	7	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122200116	PHẠM THỊ TUYẾT	06/06/2004	CCQ2220D		1	Tuyết	6.8	6	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122200122	NGUYỄN THỊ ÁNH	01/01/2004	CCQ2220D		1	Anh	6.9	3.5	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121260070	LÊ THỊ MỸ	03/07/2003	CCQ2126B		1	My	5.0	3	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122200083	TRẦN THỊ THANH	20/07/2004	CCQ2220C		1	Thanh	8.1	6.5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122200126	HOÀNG PHÙNG THỊ	15/03/2004	CCQ2220D		1	Phong	6.0	5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 01**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **002**
Ngày thi: **13/04/2023** Giờ: **14:45**
Phòng thi: **D5-27**

Mã nhận dạng: 000988

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 21....
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: 21....

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Trần Thúc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Ngọc An Thư</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn T. Ngọc Linh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn T. Ngọc Linh</i>
---	---	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200138	VÕ THỊ THU THẢO	14/09/2004	CCQ2220D		1	<i>Thu Thảo</i>	6.6	5.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121200071	HOÀNG THỊ MINH THỊ	02/04/2003	CCQ2120C		1	<i>Minh Thị</i>	6.6	6.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122200134	LÊ THỊ THU THƯỜNG	28/04/2004	CCQ2220D		1	<i>Thu Thường</i>	8.6	7	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121200121	HÀ NGỌC PHƯƠNG	22/04/2003	CCQ2120D		1	<i>Hà Ngọc Phương</i>	6.0	3	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122200123	CHU VĂN TRIỀU	09/11/2004	CCQ2220D		1	<i>Chu Văn Triều</i>	7.1	7	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122200136	LƯU NGỌC THIÊN	18/12/2004	CCQ2220D		1	<i>Lưu Ngọc Thiên</i>	8.1	4	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122200121	QUÁCH THỊ NGỌC	01/12/2003	CCQ2220D		1	<i>Quách Thị Ngọc</i>	6.0	2	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122200133	ĐẶNG PHƯƠNG UYÊN	06/09/2004	CCQ2220D		1	<i>Đặng Phương Uyên</i>	0.0	2.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121270097	PHAN THỊ THÚY VÂN	12/02/2003	CCQ2127C				0.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121200109	PHAN THỊ THẢO VI	23/08/2003	CCQ2120D		1	<i>Phan Thị Thảo Vi</i>	7.0	7	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122200135	TẦN THỊ TƯỜNG VI	29/09/2004	CCQ2220D		1	<i>Tần Thị Tường Vi</i>	6.9	3	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122200085	LÊ THANH VƯƠNG	11/01/2003	CCQ2220C		1	<i>Lê Thanh Vương</i>	6.9	3	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122200198	NGUYỄN THỊ KIỀU VY	23/03/2004	CCQ2220C		1	<i>Nguyễn Thị Kiều Vy</i>	6.8	5.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122200127	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	02/10/2004	CCQ2220D		1	<i>Nguyễn Thị Như Ý</i>	7.0	5.5	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000989

Trang : 1/2

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **13/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-28**

C.Tính (314)

Số SV có mặt: **30**
Số bài thi: **30**
Số tờ giấy thi: **30**

Cán bộ coi thi 1 <i>Ng. T. Hồng Hà</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ng. T. Hồng Hà</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Ng. T. Hồng Hà</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Ng. T. Hồng Hà</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ M3 đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122200012	NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH	12/08/2004	CCQ2220A		1	<i>Anh</i>	7.0	5.5	6.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122200025	NGUYỄN THỊ DIỆU BĂNG	25/04/2004	CCQ2220A		1	<i>Băng</i>	6.5	6.5	6.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122200006	HUYỀN BẢO CHÂU	11/03/2004	CCQ2220A		1	<i>Chau</i>	7.1	5.5	6.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122200067	NGUYỄN HỮU CHIẾN	27/10/2004	CCQ2220B		1	<i>Chiến</i>	6.8	5	5.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122200068	BÙI ĐỨC DŨNG	02/01/2004	CCQ2220B		1	<i>Dũng</i>	7.0	3	4.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122200017	LÊ THỊ NGỌC DUYÊN	21/05/2004	CCQ2220A		1	<i>Duyên</i>	7.0	4	5.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122200010	ĐOÀN THỊ NGỌC HÀ	26/04/2003	CCQ2220A		1	<i>Hà</i>	7.1	4	5.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122200023	ĐỖ THỊ THU HẰNG	01/05/2004	CCQ2220A		1	<i>Hàng</i>	7.0	8	7.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122200024	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẰNG	14/10/2004	CCQ2220A		1	<i>Hàng</i>	6.5	7.5	7.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122200055	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	31/10/2004	CCQ2220B				0.0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122200029	PHAN THỊ KIM LÀI	13/06/2004	CCQ2220A		1	<i>Lai</i>	7.3	1	3.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122200036	NGUYỄN THỊ MINH LƯ	09/03/2004	CCQ2220B		1	<i>Lư</i>	7.9	4	5.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122200063	HUYỀN THỊ QUỲNH	22/12/2004	CCQ2220B				0.0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122200011	LÊ THỊ TUYẾT NGÂN	16/02/2003	CCQ2220A		1	<i>Ngân</i>	7.8	7	7.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122200026	TRẦN THỊ ÁNH NGUYỄN	26/09/2004	CCQ2220A		1	<i>Ánh</i>	5.7	5	5.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122200053	ĐẶNG NGUYỄN XUÂN NHI	05/02/2004	CCQ2220B		1	<i>Xuân</i>	8.1	7.5	7.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122200050	TRƯƠNG Ý NHƯ	01/07/2004	CCQ2220B		1	<i>Ý</i>	7.3	7	7.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122200033	HUYỀN HỮU PHONG	15/03/2004	CCQ2220A		1	<i>Phong</i>	7.3	2	4.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122200045	TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG	28/09/2004	CCQ2220B		1	<i>Phương</i>	7.5	5	6.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122200056	VĂN HỮU HOÀI PHƯƠNG	27/09/2004	CCQ2220B		1	<i>Phường</i>	7.9	2	4.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/202

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 03**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **001**
Ngày thi: **13/04/2023** Giờ: **14:45**
Phòng thi: **D5-28**

Mã nhận dạng: 000989

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 30
Số bài thi: 30
Số tờ giấy thi: 30

Cán bộ coi thi 1 <i>Ng. T. Hồng</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ng. T. Hồng</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Ng. T. T.</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Ng. T. T.</i>
--	--	---------------------------------------	---------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200027	CAO THỊ BÍCH	29/05/2004	CCQ2220A		1	<i>phuc</i>	6.3	5	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122200020	LÊ MINH	27/04/2004	CCQ2220A		1	<i>thanh</i>	7.8	6	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122200008	TRẦN THỊ LÊ	17/01/2004	CCQ2220A		1	<i>tham</i>	7.1	3	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122200051	LÊ THỊ MỸ	17/06/2004	CCQ2220B		1	<i>thi</i>	7.1	2.5	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122200044	HỒ THỊ PHƯỚC	22/09/2004	CCQ2220B		1	<i>tho</i>	7.0	2.5	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122200001	NGUYỄN PHÚC	23/03/2003	CCQ2220A				7.9			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122200061	LÊ THỊ MINH	06/09/2004	CCQ2220B				0.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122200037	VÕ THỊ ANH	21/08/2004	CCQ2220B		1	<i>chun</i>	7.9	5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122200065	LÊ ĐÀO XUÂN	12/02/2002	CCQ2220G		1	<i>lun</i>	6.9	5	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122200057	TRẦN TRƯỜNG ĐOAN	18/08/2004	CCQ2220B		1	<i>thong</i>	7.1	6.5	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122200047	CHÂU NGỌC	05/02/2003	CCQ2220B		1	<i>tru</i>	7.1	5	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122120234	LÊ THỊ LỆ	14/05/2004	CCQ2220A		1	<i>van</i>	8.1	4.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122200009	NGUYỄN THỊ YẾN	30/06/2004	CCQ2220A				0.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122200052	NGUYỄN CÔNG	11/06/2004	CCQ2220B		1	<i>vin</i>	7.0	3.5	4.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122200038	LÊ THỊ NHƯ	26/10/2004	CCQ2220B		1	<i>thuy</i>	6.8	7	6.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000987

Trang : 1/2

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 01**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **001**
Ngày thi: **13/04/2023** Giờ: **14:45**
Phòng thi: **D5-26**

C. Tỉnh 114

Số SV có mặt: 3.4...
Số bài thi:3.4...
Số tờ giấy thi: 3.6...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Nguyễn Xuân Lưu	Nguyễn Kim Thanh	Ng. T. M	Ng. Thị Ngọc Linh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122200107	PHAN THỊ QUỲNH ANH	22/11/2004	CCQ2220D			Anh	6.1	5	5.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122200112	NGUYỄN THỊ KIM ANH	03/07/2003	CCQ2220D			Anh	6.0	6.5	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122200080	TRƯƠNG THỊ BÍCH CHI	28/07/2004	CCQ2220C			Chi	6.1	5.5	5.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122200076	NGUYỄN LÂM KHẢ DI	09/07/2004	CCQ2220C			Di	8.6	7.5	7.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
5	2122200110	LƯƠNG THỊ ĐIỀU	03/09/2004	CCQ2220D			Đi	7.2	6	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122200092	TRẦN VÕ XUÂN ĐIỀU	25/04/2004	CCQ2220C			Đi	7.0	6	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122200105	TRẦN QUANG DŨNG	20/07/2004	CCQ2220D			Đi	6.9	7	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122200074	BÙI THỊ MỸ DUYÊN	08/02/2004	CCQ2220C			Đi	6.6	5	5.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122200088	HUỖNH THỊ BÍCH DUYÊN	09/10/2004	CCQ2220C			Đi	6.0	6	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122200087	NGUYỄN THỊ HỒNG DUYÊN	29/08/2004	CCQ2220C			Đi	6.0	6	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122200091	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	12/02/2004	CCQ2220C			Đi	6.6	4.5	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122200090	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	25/03/2004	CCQ2220C				0.0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122200084	VÕ XUÂN ĐÔNG	20/06/2004	CCQ2220C		2	Đi	6.6	8	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122200094	NGUYỄN THỊ MINH HẠNH	19/09/2004	CCQ2220C		2	Đi	7.7	8	7.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
15	2122200069	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	23/02/2004	CCQ2220C			Hanh	5.0	3.5	4.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122200093	HUỖNH MINH HOÀNG	21/12/2004	CCQ2220C			Hanh	6.0	2.5	3.9	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
17	2122200075	LÊ THỊ KIM LOAN	26/11/2003	CCQ2220C			Loan	6.2	3	4.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122200077	NGUYỄN THỊ HOÀI LY	27/04/2004	CCQ2220C			Ly	6.6	5	5.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122200095	VŨ THỊ MINH	19/02/2004	CCQ2220C			Minh	8.6	7	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122200071	TRẦN TIỂU MY	30/09/2004	CCQ2220C			My	5.4	5.5	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000987

Trang : 2/2

Môn học: **Đàm phán trong kinh doanh (226101) - Nhóm 01**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **001**
Ngày thi: **13/04/2023** Giờ: **14:45**
Phòng thi: **D5-26**

Số SV có mặt: 24...
Số bài thi:24...
Số tờ giấy thi: 30...

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mà đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200086	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	06/02/2004	CCQ2220C			Ngan	7.2	6	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122200114	NGUYỄN TUYẾT NHI	29/04/2004	CCQ2220D			Nhi	6.5	4	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122200102	PHẠM NGỌC UYÊN	21/06/2004	CCQ2220C			Nhi	5.6	2	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122200098	HUỖNH CÔNG THÁI	20/12/2004	CCQ2220C			Thái	6.0	2	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122200089	NGUYỄN HOÀNG QUỐC THÁI	31/07/2004	CCQ2220C			Thái	7.1	6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122200073	ĐOÀN NGỌC MINH THIÊN	22/05/2004	CCQ2220C			Thiên	5.7	3.5	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122200111	ĐỖ ĐÌNH THUẬN	10/10/2004	CCQ2220D			Thuận	6.6	5.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122200096	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	09/10/2004	CCQ2220C			Thanh	6.9	7.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122200103	TRẦN THỊ THANH THƯƠNG	05/03/2004	CCQ2220C			Thương	5.0	5	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122200079	NGUYỄN THỊ TIỀN	13/05/2004	CCQ2220C			Tiền	6.0	8	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122200081	HUỖNH NGUYỄN BẢO TRANG	19/06/2004	CCQ2220C			Trang	7.2	8	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122200101	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	08/01/2004	CCQ2220C			Thuyền	6.3	6.5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122200078	NGUYỄN PHÚC MINH UYÊN	01/06/2004	CCQ2220C			Uyên	7.1	5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122200070	TRẦN KIM VỆ	23/07/2004	CCQ2220C			Vệ	5.0	3	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122200072	LÊ TRẦN HOÀI VY	25/10/2004	CCQ2220C			Vy	5.0	3	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi